

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH V**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2019/HS-ST
Ngày 26 tháng 11 năm 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH V**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Minh Hiệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trung Thành

2. Bà Đặng Thị Liễu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Lăng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh V tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Minh Đoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh V, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 83/2019/TLST-HS ngày 14 tháng 11 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2019/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Đỗ Văn Q, sinh ngày 10/02/1998

Nơi cư trú: Thôn Th, xã L, huyện L, tỉnh V; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: Lớp 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn B, sinh năm 1959 và bà Bùi Thị L, sinh năm 1963; vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không. Ngày 18/10/2019, Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 01 năm 9 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/7/2019 đến nay theo lệnh tạm giam của công an huyện S và Quyết định tạm giam của Tòa án nhân dân huyện S, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh Đỗ Văn Qu, sinh năm 1988 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn Ph, xã L, huyện L, tỉnh V.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Đỗ Văn Tr, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Ph, xã L, huyện L, tỉnh V

2. Anh Nguyễn Văn A, sinh năm 1995 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn T, xã B, huyện L, tỉnh V

3. Bà Bùi Thị L, sinh năm 1963 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn Th, xã L, huyện L, tỉnh V

4. Anh Lê Quốc T, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn L, xã Nh, huyện S, tỉnh V.

5. Anh Bùi Văn T, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Ph, xã L, huyện L, tỉnh V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17giờ ngày 05/7/2019, anh Đỗ Văn Q, sinh năm 1988, anh Bùi Văn T, sinh năm 1987 đều trú tại thôn Ph, xã L, huyện L cùng với Đỗ Văn Qu, sinh năm 1998 trú tại thôn Th, xã L, huyện L cùng nhau đi câu cá tại khu vực vạt Dưới sông Phó Đáy thuộc thôn Ph, xã L, huyện L. Tại đây, T đưa cho Đỗ Văn Q, sinh năm 1998 (bị cáo) 50.000đ để đi mua nước uống. Bị cáo Qu đồng ý và mượn chiếc máy BKS 88D1-02252 của anh Qu để đi mua nước. Sau khi mượn được xe, bị cáo nảy sinh ý định cầm cố chiếc xe máy trên lấy tiền tiêu xài nên điều khiển xe máy đến nhà bạn là Lê Quốc T, sinh năm 1994 ở thôn L, xã Nh, huyện S rủ T đi cầm cố xe và được T đồng ý. Qu điều khiển xe chở T đến quán Karaoke Roy Club ở xã T, huyện L do Nguyễn Văn A, sinh năm 1995 trú tại thôn T, xã B làm chủ. Qu đặt vấn đề cầm cố chiếc xe máy trên để vay 5.000.000đ nhưng do không đủ tiền nên Nguyễn Văn A chỉ cho vay 3.000.000 đ. Sau khi nhận tiền, Qu và T bắt taxi đi đến cổng Trung tâm Y tế huyện L mua 400.000đ ma túy-heroine của một người đàn ông không rõ tên tuổi, địa chỉ rồi cùng nhau sử dụng. Số tiền còn lại, Qu tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi biết bị cáo Qu chiếm đoạt chiếc xe của mình, anh Qu đã làm đơn trình báo Cơ quan Công an. Ngay sau khi nhận được tin báo, Cơ quan cảnh sát điều tra (CSĐT) Công an huyện L đã tiến hành xác minh, thu giữ vật chứng theo quy định của pháp luật.

Căn cứ yêu cầu định giá tài sản của Cơ quan CSĐT Công an huyện L, ngày 22/7/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện L có Kết luận số 282 kết luận: *01 xe mô tô BKS 88D1-022.52, loại xe Wave RSX, số máy 6108978, số khung 184985, màu sơn đen đỏ bạc. Đăng ký năm 2011. Xe đã qua sử dụng được định giá là 9.000.000đ.*

Tại Cáo trạng số: 86/CT-VKS-KT ngày 13 tháng 11 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch truy tố Đỗ Văn Qu về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L luận tội đối với bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố đối với Đỗ Văn Qu. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Đỗ Văn Qu từ 09 đến 12 tháng tù và đề nghị xử lý vật chứng theo quy định.

Lời nói sau cùng của bị cáo: xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Đỗ Văn Qu đã khai nhận toàn bộ về hành vi phạm tội của mình, bị cáo thừa nhận: Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 05/7/2019, tại thôn Ph, xã L, huyện L, bị cáo Đỗ Văn Qu hỏi mượn của anh Đỗ Văn Qu, sinh năm 1988 ở xã L, huyện L chiếc xe mô tô BKS 88D1-022.52 trị giá 9.000.000đ để đi mua nước uống. Sau đó, do cần tiền nên Qu nảy sinh ý định chiếm đoạt và đem cầm cố chiếc xe cho anh Nguyễn Văn A ở xã B, huyện L được số tiền 3.000.000đ. Qu cầm tiền đi mua ma túy để sử dụng và tiêu xài cá nhân hết.

Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các lời khai, bản kiểm điểm của bị cáo, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án, tang vật chứng đã thu hồi được và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được thể hiện trong hồ sơ vụ án.

Xét tính chất vụ án tuy là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý, làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây dư luận bất bình trong nhân dân. Do vậy, xét thấy cần phải xử lý nghiêm minh trước pháp luật và có hình phạt tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo, như vậy mới

có tác dụng cải tạo giáo dục riêng đối với bị cáo và răn đe giáo dục phòng ngừa chung.

Như vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo Đỗ Văn Qu phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Điều luật quy định:

“1. Người nào thực hiện một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ...thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...b) ... mượn... tài sản của người khác ...và đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản.

Khi lượng hình, Hội đồng xét xử xem xét đến tính chất cũng như mức độ thực hiện tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Đỗ Văn Qu, thấy rằng:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Ngày 18/10/2019, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh V đưa ra xét xử về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự xảy ra ngày 15/7/2019. Tại bản án số: 28/2019/ HS-ST ngày 18/10/2019 Tòa án nhân dân huyện S xử phạt bị cáo 01 năm 09 tháng tù giam. Như vậy, tính đến ngày xét xử hiện bản án đã có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, hành vi trên xảy ra sau nên bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Qu đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Xét thấy cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian cần thiết để giáo dục thành người có ích cho xã hội. Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt 01 năm 09 tháng tù giam của bản án số 28/2019/HS-ST ngày 18/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện S xử phạt bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

[3] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định: *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 1 năm đến 5 năm hoặc bị tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”*. Tuy nhiên, xem xét điều kiện, hoàn cảnh của bị cáo Qu thấy rằng: Bị cáo không có việc làm, không có thu nhập và không có tài sản riêng, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Đối với Nguyễn Văn A khi cầm cố xe và cho Qu vay tiền, A không biết đây là tài sản có nguồn gốc do phạm pháp mà có. Cơ quan điều tra không đề cập xử lý hình sự là phù hợp. Tuy nhiên, việc cho người khác cầm cố tài sản khi không có giấy phép đăng ký kinh doanh của A đã vi phạm Điều 11 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính Phủ. Cơ quan điều tra đã có công văn đề nghị đội Quản lý hành chính Công an huyện L lập hồ sơ xử phạt hành chính đối với Nguyễn Văn A là có căn cứ.

Đối với Lê Quốc T là bạn của bị cáo Qu. Khi Qu đến nhà rủ T đi cầm cố xe máy, Qu nói dối đó là xe của mình nên T không biết đây là tài sản có nguồn gốc do phạm pháp mà có. Cơ quan điều tra không đề cập xử lý hình sự là phù hợp.

Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho Qu ngày 05/7/2019 tại cổng Trung tâm Y tế huyện L, do Qu không xác định được cụ thể tên, tuổi, địa chỉ của đối tượng đã bán ma túy heroine cho mình nên cơ quan điều tra không có căn cứ để tiến hành xác minh xử lý.

[4] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

- Đối với xe mô tô BKS 88D1-022.52, loại xe Wave RSX, số máy 6108978, số khung 184985, màu sơn đen đỏ bạc, quá trình điều tra xác định là tài sản của ông Đỗ Văn Tr, sinh năm 1968 (là bố đẻ của bị hại) bị Đỗ Văn Qu chiếm đoạt. Ngày 09/9/2019, Cơ quan điều tra trả lại cho ông Tr kèm theo giấy đăng ký xe là đúng chủ sở hữu. Ông Tr không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì khác.

- Số tiền 3.000.000 đ do bà Bùi Thị L, sinh năm 1963 trú tại thôn Th, xã L, huyện L (Là mẹ bị cáo) tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra để khắc phục hậu quả. Ngày 24/9/2019, Cơ quan điều tra đã trả cho Nguyễn Văn A số tiền 3.000.000 đ là có căn cứ. Anh A không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với số tiền 50.000đ của anh Bùi Văn T đưa cho Qu đi mua nước về để uống nhưng Qu đã tiêu xài hết số tiền này, anh T không đề nghị bị cáo Qu phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bị cáo Đỗ Văn Qu phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 175; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 56; khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106, Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Đỗ Văn Qu phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Xử phạt: Bị cáo Đỗ Văn Qu 01 (Một) năm tù. Tổng hợp với hình phạt 01 năm 09 tháng tù giam của bản án số: 28/2019/HS-ST ngày 18/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện S, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cả hai bản án là 02 năm 09 tháng. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 15/7/2019.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

- Xác nhận ngày 09/9/2019, Cơ quan CSĐT đã trả lại cho ông Đỗ Văn Tr chiếc xe mô tô BKS 88D1-022.52, loại xe Wave RSX, số máy 6108978, số khung 184985, màu sơn đen đỏ bạc là đúng chủ sở hữu. Và ngày 24/9/2019, Cơ quan CSĐT đã trả lại anh A số tiền 3.000.000đ gia đình bị cáo giao nộp để khắc phục hậu quả.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày giao nhận bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú cuối cùng của người vắng mặt.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh V.
- VKSND huyện L
- TAND tỉnh V
- Công an huyện L
- THADS huyện L
- Bị cáo
- Các đương sự
- Lưu HS, lưu VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đã ký và đóng dấu

Ngô Thị Minh Hiệp